

Số: 01/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 7 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ**  
**SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung giữa người yêu cầu:

- Ông ARát N, sinh ngày 12/6/1986; số căn cước công dân: 049086014593.

- Bà Bờ Nướch Thị A, sinh ngày 24/6/1988 ; số căn cước công dân: 049188013457

Cùng địa chỉ: Tổ 6, Tổ dân phố D, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Nay là Tổ 6, Tổ dân phố D, xã T, thành phố Đà Nẵng).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa ông ARát N và bà Bờ Nướch Thị A là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyền số 01/2007 ngày 05/5/2007 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đà Nẵng).

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 13/6/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/7/2025: Về hôn nhân: Ông ARát N và bà Bờ Nướch Thị A yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về thỏa thuận nuôi con: Ông ARát N và bà Bờ Nướch Thị A có 03 con chung tên ARát N, sinh ngày 08/9/2007; ARát N1, sinh ngày 04/11/2012 và ARát Thị Mỹ N2, sinh ngày 23/7/2016; bà A và ông N thỏa thuận thống nhất giao 03 con cho ông N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con trưởng thành (mỗi con đủ 18 tuổi), bà A không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Ông ARát N và bà Bờ Nướch Thị A tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông ARất N và bà Bờ Nướch Thị A thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc nuôi con chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông ARất N và bà Bờ Nướch Thị A cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về thỏa thuận nuôi con: Ông ARất N và bà Bờ Nướch Thị A có 03 con chung tên ARất N, sinh ngày 08/9/2007; ARất N1, sinh ngày 04/11/2012 và ARất Thị Mỹ N2, sinh ngày 23/7/2016; bà A và ông N thỏa thuận thống nhất giao 03 con cho ông N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con trưởng thành (mỗi con đủ 18 tuổi), bà A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Bờ Nướch Thị A có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức đóng góp nuôi con chung.

- Về tài sản: Ông ARất N và bà Bờ Nướch Thị A tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về lệ phí Tòa án: Ông ARất N và bà Bờ Nướch Thị A được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân xã La Ê, thành phố Đà Nẵng (Bộ phận quản lý hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Huỳnh Quang**